

PHỤ LỤC SỐ 1
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày tháng 9 năm 2020 của Sở Nội vụ)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Nông Thị Hồng	MN019	Nữ	23/03/1988	Tày	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt	5,0	82,5	87,5
2	H' Bê Niê	MN004	Nữ	01/01/1996	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt	5,0	78,0	83,0
3	H' Nhon Mlô	MN038	Nữ	23/04/1998	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt	5,0	78,0	83,0
4	H' Huyêt Niê	MN024	Nữ	23/04/1993	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt	5,0	77,5	82,5
5	Hồ Thị Phương Linh	MN026	Nữ	10/06/1990	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng Anh B	UĐCB	Đạt		82,0	82,0
6	H' Yung Niê	MN061	Nữ	08/05/1995	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A	Đạt	5,0	77,0	82,0
7	H' Hương Mlô	MN022	Nữ	12/06/1997	Ê đê	DTTS	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt	5,0	76,5	81,5
8	Bùi Thị Thanh Trúc	MN053	Nữ	09/08/1995	Kinh	CTB	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt	5,0	76,0	81,0
9	Mai Thị Hồng Loan	MN027	Nữ	18/06/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		80,5	80,5
10	Trần Thị Luyến	MN029	Nữ	04/12/1990	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	B	Đạt		80,5	80,5
11	Phạm Thị Hồng Nhung	MN040	Nữ	03/08/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		80,0	80,0
12	Nguyễn Thị Ngà	MN032	Nữ	10/09/1991	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh C	UĐCB	Đạt		79,5	79,5
13	Cao Thị Ngọc	MN033	Nữ	28/12/1997	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		79,0	79,0
14	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	MN035	Nữ	11/11/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt		79,0	79,0
15	Nguyễn Thị Hồng Nhung	MN039	Nữ	26/11/1986	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		79,0	79,0
16	Bùi Thị Bích Hồng	MN018	Nữ	10/10/1997	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B1	UĐCB	Đạt		78,5	78,5
17	Đỗ Thị Nguyệt	MN034	Nữ	29/07/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A	Đạt		78,5	78,5
18	Phan Thị Quỳnh Nhi	MN037	Nữ	20/05/1994	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt		78,5	78,5
19	Trịnh Thị Thu Trang	MN051	Nữ	06/05/1991	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		78,0	78,0
20	Phạm Thị Thu Hiền	MN062	Nữ	12/10/1984	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		77,5	77,5
21	Nguyễn Thị Mỹ Hoài	MN017	Nữ	16/07/1995	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	UĐCB	Đạt		77,5	77,5
22	Huỳnh Thị Nữ	MN043	Nữ	04/04/1995	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	A	Đạt		77,5	77,5

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
23	Phan Thị Kim Oanh	MN045	Nữ	16/08/1989	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		77,5	77,5
24	Phan Thị Châu	MN006	Nữ	24/01/1997	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh A2	U'DCB	Đạt		77,0	77,0
25	Hồ Thị Phương Nhi	MN036	Nữ	07/07/1995	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh A2	A	Đạt		77,0	77,0
26	Lê Thị Mai Dung	MN009	Nữ	27/08/1993	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		76,5	76,5
27	Vũ Thị Thùy Dung	MN010	Nữ	20/09/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		76,5	76,5
28	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	MN025	Nữ	28/02/1997	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		76,5	76,5
29	Lê Thị Yến	MN057	Nữ	28/05/1995	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt		76,0	76,0
TỔNG SỐ 29 THÍ SINH														